

Nâng cao kỹ năng thuyết trình cho sinh viên Trường Đại học Khánh Hòa

*Chu Thị Lộc An**

**ThS. Trường Đại học Khánh Hòa*

Received: 28/4/2024; Accepted: 3/5/2024; Published: 11/5/2024

Abstract: Presentation is a very important and necessary skill for students. Students of Khanh Hoa University when making presentations still make many mistakes. On the basis of pointing out the limitations of students in presentation skills, the article proposes some solutions to improve presentation capacity for students.

Keywords: Presentation, presentation skills, students of Khanh Hoa University.

1. Đặt vấn đề

Thuyết trình (TT) là một trong những kỹ năng mềm (KNM) rất quan trọng và cần thiết đối với mỗi người. Trong giáo dục đại học, kỹ năng thuyết trình (KNTT) không chỉ là một công cụ để sinh viên (SV) thực hiện nhiệm vụ học tập mà còn là một phương pháp dạy học tích cực, hiệu quả nhằm phát huy tối đa năng lực của SV.

Qua quá trình giảng dạy, chúng tôi nhận thấy KNTT của SV Trường Đại học Khánh Hòa còn nhiều hạn chế. Phản hồi của các nhà tuyển dụng khi Trường Đại học Khánh Hòa thực hiện khảo sát ý kiến của họ về chất lượng SV của Trường Đại học Khánh Hòa cũng cho rằng SV còn thiếu và yếu một số KNM, trong đó có KNTT. Vì vậy, việc nâng cao KNTT cho SV Trường Đại học Khánh Hòa là rất cần thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Giới thuyết về KN thuyết trình

2.1.1. Thế nào là KN thuyết trình

Theo tác giả Dương Thị Liễu, TT là trình bày bằng lời trước nhiều người về một vấn đề nào đó nhằm cung cấp thông tin hoặc thuyết phục, gây ảnh hưởng đến người nghe[1]. Tác giả Chu Văn Đức định nghĩa: TT hay còn gọi là diễn thuyết, là nói chuyện trước nhiều người về một vấn đề nào đó một cách có hệ thống [2].

Từ trên, chúng ta có thể hiểu: KNTT là khả năng trình bày bằng lời một cách bài bản, hệ thống, thuyết phục về một vấn đề nào đó trước một nhóm người hay nhiều người nhằm đạt các mục đích nhất định.

2.1.2. Tâm quan trọng của KNTT đối với SV

- KNTT là một công cụ để SV thực hiện các nhiệm vụ học tập. Trong quá trình học, SV sẽ sử dụng KNTT để trình bày những hiểu biết của mình về nội dung môn học theo yêu cầu của giảng viên (GV).

- KNTT góp phần phát triển kỹ năng (KN) giao

tiếp. KNTT là kết hợp của KN ngôn ngữ, KN lập luận và KN trình bày.[4] Vì vậy, SV rèn luyện và thực hiện KNTT thường xuyên sẽ phát triển KN giao tiếp của mình.

- KNTT rèn luyện tư duy phản biện, tổng hợp, khái quát vấn đề và sự tự tin. Thực hiện TT nhiều, SV sẽ có khả năng tư duy phản biện logic, tư duy tổng hợp nhạy bén, sáng tạo và sự tự tin.

- KNTT mang lại cho SV nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm, cơ hội thành công và thăng tiến trong công việc sau khi ra trường.

2.1.3. KN thuyết trình hiệu quả. Để có một bài TT thành công và ấn tượng, có KNTT thành thực, hiệu quả người TT phải thực hiện tốt các bước và yêu cầu sau:

a. Chuẩn bị TT: Chuẩn bị trước khi TT là khâu quan trọng đầu tiên. Chuẩn bị càng chu đáo, bài TT càng thành công, người TT cần chuẩn bị các công việc sau:

- Xác định mục đích TT: Cần xác định mục đích của bài TT một cách rõ ràng, cụ thể, chính xác để từ đó xây dựng nội dung TT phù hợp, có tính thuyết phục cao.

- Chuẩn bị nội dung bài TT: Bài TT thuyết phục được thính giả khi có nội dung thể hiện sự am hiểu sâu sắc, kiến thức sâu rộng về vấn đề đặt ra của người TT.

- Tìm hiểu đối tượng TT: Đối tượng TT khác nhau về độ tuổi, tâm sinh lý, chủng tộc, dân tộc, khả năng nhận thông tin, nguyện vọng và mức độ mong đợi... Việc tìm hiểu kỹ đối tượng TT rất quan trọng để có nội dung và cách TT phù hợp.

- Chuẩn bị tâm lý và hình thức bề ngoài: Tâm lý ổn định, bình tĩnh, tự tin của TT viên góp phần rất lớn cho sự thành công của bài TT. Và hãy chuẩn bị cho mình bộ trang phục đẹp, lịch sự cùng đầu tóc gọn

gàng, nét mặt tươi tắn, phong thái tự tin.

- Chuẩn bị môi trường hỗ trợ: Sự thành công của bài TT không chỉ phụ thuộc vào TT viên và thính giả mà còn phụ thuộc vào không gian, thời gian và các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ, hỗ trợ. Tất cả phải được chuẩn bị đầy đủ, chu đáo.

- Chuẩn bị các slide trình chiếu: Các slide phải được thiết kế một cách khoa học, đẹp và phù hợp với đối tượng thính giả. Khi thiết kế các trang chiếu cần chú ý về số lượng dòng, chữ trên một slide; kích cỡ; kiểu chữ và hiệu ứng.

b. Tập luyện trước khi TT: Cần luyện tập trước khi TT để phát hiện, bổ sung, điều chỉnh những nội dung chưa chính xác hay còn thiếu; để điều chỉnh ngôn ngữ lời nói và ngôn ngữ cơ thể phù hợp, ăn khớp. Luyện tập để phát hiện khắc phục các lỗi còn mắc phải... Luyện tập càng nhiều, KNTT càng thành thực.

c. Thực hiện TT: Quá trình TT, TT viên phải tạo ấn tượng sâu sắc cho thính giả với những lối dẫn dắt lôi cuốn, lập luận, trình bày sắc sảo và kết thúc vấn đề thú vị. Giữa các phần của bài TT cần có sự dẫn dắt, chuyển tiếp nhịp nhàng, uyển chuyển để người nghe dễ dàng theo dõi và lĩnh hội nội dung vấn đề.

- Ngôn ngữ TT phải chuẩn xác, biểu cảm; TT viên phải làm chủ về cường độ, trường độ và tốc độ lời nói của mình. Ngoài lời nói, người TT cần biết sử dụng ngôn ngữ cơ thể hỗ trợ cho việc TT một cách phù hợp, lịch sự, tôn trọng người nghe.

- Thời gian cho từng phần nội dung, thời gian cho cả bài TT cần được phân bổ hợp lý và kiểm soát hiệu quả.

- Sử dụng thành thực, hợp lý các thiết bị hỗ trợ. Các hình ảnh, biểu đồ, video... minh họa cho nội dung trình bày cần sử dụng đúng lúc, đúng chỗ. Các slide trình chiếu tương ứng với lời TT, tránh hiện tượng lời nói không khớp với trang chiếu.

2.2. Năng lực thuyết trình của SV Trường Đại học Khánh Hòa

2.2.1. Ưu điểm: Về sơ bản, SV đã có ý thức trong việc thực hiện các yêu cầu của GV về việc TT. Tùy vào tính chất, yêu cầu của từng môn học, tùy vào yêu cầu của GV, SV thực hiện TT cá nhân hoặc theo nhóm. SV đã có ý thức tìm kiếm, khai thác thông tin từ các nguồn tài liệu như giáo trình, tạp chí, internet để chuẩn bị nội dung TT. Nhiều SV đã cập nhật các phần mềm mới để thiết kế các trang chiếu đẹp, hiện đại.

2.2.2. Hạn chế: Qua giảng dạy, chúng tôi nhận thấy SV còn nhiều hạn chế khi thực hiện KNTT.

a. Thiếu sự chuẩn bị và luyện tập trước khi TT: Để có bài TT, phần lớn SV đã có sự chuẩn bị. Tuy

nhiên vẫn còn khá nhiều SV chuẩn bị chưa đầy đủ, chu đáo nên các bài TT có nội dung sơ sài, thiếu các dẫn chứng, minh họa, slide chưa đạt yêu cầu.

Khá nhiều SV không luyện tập trước khi TT nên khi thuyết trình còn mắc rất nhiều lỗi về tâm lý, ngôn ngữ trình bày, cách trình chiếu slide v.v..

b. Nội dung bài TT: Nội dung bài TT hoặc sơ sài, hoặc lan man, dàn trải, thiếu trọng tâm. Rất nhiều SV khi thực hiện bài TT rất chủ quan, coi nhẹ, kiểu làm cho có mà không chú ý đọc, nghiên cứu tài liệu, giáo trình để có nội dung bài TT đầy đủ và chính xác. Bài TT thiếu các ví dụ, dẫn chứng bằng hình ảnh, biểu đồ, video...

c. Ngôn ngữ TT: Phần lớn SV khi thực hiện TT chỉ dừng lại ở việc đọc nội dung đã được chuẩn bị bằng văn bản giấy hoặc các slide nên chưa thuyết phục được người nghe. SV chưa điều chỉnh được ngôn ngữ của mình về cường độ, cao độ, tốc độ cho phù hợp với nội dung, bối cảnh và đối tượng TT.

SV sử dụng ngôn ngữ cơ thể chưa tốt. Khi TT, SV còn bị các lỗi về ngôn ngữ cơ thể như cử chỉ tay, chân lúng túng, vụng về; nét mặt căng thẳng, thiếu cảm xúc, tâm thế bối rối, lúng túng, thiếu tự tin.

d. Vị trí và cách thức TT: Khi TT, SV chưa lôi cuốn, thu hút người nghe bằng những cách dẫn nhập (mở đầu) phù hợp. Quá trình TT nội dung còn khô khan, rời rạc thiếu sự liên kết, chuyển tiếp các phần nội dung; thiếu sự tương tác với người nghe. Kết thúc bài TT đột ngột, chưa chú ý khái quát lại các nội dung đã trình bày, không để lại được ấn tượng cho người nghe.

Phần đa SV khi TT chưa chú ý đến việc chọn vị trí đứng và di chuyển phù hợp. Thường các em đứng yên một chỗ, gằn máy tính xách tay hoặc màn hình trình chiếu để tiện đọc nội dung bài TT.

e. Sử dụng các phương tiện hỗ trợ TT: Các slide của SV thường mắc các lỗi như: Số lượng dòng, chữ trong một slide quá nhiều; kích cỡ chữ nhỏ; độ tương phản giữa màu nền và màu chữ trong slide không cao, dẫn đến khó đọc được thông tin trên slide. Sử dụng nhiều hiệu ứng làm cho slide bị "nhiều", rối, người nghe cảm thấy khó chịu về mặt thị giác. Bố cục slide cầu kỳ, màu sắc sặc sỡ hoặc trang trí nhiều hình ảnh động làm người nghe mất chú ý về nội dung chủ đề. Khả năng phối hợp các công cụ hỗ trợ trong quá trình TT không ăn khớp, nhuần nhuyễn.

2.2.3. Nguyên nhân

a. Yếu tố chủ quan: Những hạn chế SV mắc phải trong quá trình thực hiện TT trước hết là do SV chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của KNTT.

Mặt khác, do thức tự học, tự tiếp cận và chiếm lĩnh kiến thức chuyên môn của SV chưa tốt, vì vậy khi chuẩn bị nội dung TT, nhiều SV chưa chú trọng khai thác, tham khảo thông tin từ các nguồn tài liệu chính thống, tin cậy mà mới dừng lại sao chép thông tin từ một vài trang mạng thiếu tin cậy, dẫn đến nội dung bài TT còn sơ sài hoặc thiếu chính xác.

Ngoài ra, SV không tập luyện hoặc tập luyện qua quýt nên khi TT đã mắc các lỗi về ngôn ngữ, cử chỉ tay, chân; tâm lí...

b. Yếu tố khách quan: Mức độ yêu cầu và hướng dẫn của GV về KNTT của SV trong quá trình dạy học các môn học chưa cao. Nhiều GV do hạn chế về mặt thời lượng của các tiết học nên chỉ mới dừng lại yêu cầu SV TT về nội dung bài học mà chưa chú ý đến việc hướng dẫn và yêu cầu SV về các thao tác và các yêu cầu khác của bài TT.

Ngoài một số ít CTĐT có học phần KNM hoặc KNTT, nhà trường chưa có các khóa/lớp đào tạo về KNTT cho SV toàn trường. Các hoạt động của Đoàn, Hội chưa phong phú và đa dạng để SV rèn luyện các KNM nói chung và KNTT nói riêng.

2.3. Giải pháp nâng cao KNTT cho SV Trường Đại học Khánh Hòa

2.3.1. Đối với SV

- Cần nhận thức tầm quan trọng của KNTT đối với bản thân để nghiêm túc và tích cực rèn luyện. Có KNTT tốt, SV sẽ hoàn thành tốt chương trình học ở trường đại học, có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi ra trường, có cơ hội thành công và thăng tiến trong quá trình công tác.

- Chủ động tham gia các hoạt động có tác dụng rèn luyện KN ngôn ngữ, tư duy phản biện, KN lập luận và trình bày như: phát biểu, trình bày ý kiến của mình trong các giờ học trên lớp và nhóm học tập; tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể như ngoại khóa, các cuộc thi, hoạt động nghiệp vụ...do lớp, khoa, đoàn, hội và nhà trường tổ chức.

- Tăng cường giao tiếp với mọi người. Người tích cực giao tiếp sẽ tạo dựng được nhiều mối quan hệ trong cuộc sống, có nhiều hiểu biết, nhiều kinh nghiệm sống và đặc biệt ngôn ngữ lưu loát, tâm thế tự tin, cởi mở khi giao tiếp với mọi người ở bất kì hoàn cảnh nào. Những yếu tố này sẽ giúp KNTT hoàn thiện và hiệu quả hơn.

- Thường xuyên luyện tập KNTT. Việc luyện tập nhiều trước khi TT sẽ giúp bản thân nắm vững nội dung bài TT, hạn chế được tối đa các lỗi về ngôn ngữ diễn đạt, tâm lí và sự phối hợp sử dụng các công cụ hỗ trợ khi TT. Hơn nữa, rèn luyện và thực hiện thường xuyên KN TT, SV sẽ khẳng định được khả năng tự

học, tự nghiên cứu của mình, đồng thời hoàn thiện các KN khác như KN làm việc nhóm, KN lập luận, KN trình bày và khả năng tư duy logic, tư duy phản biện.

- Tham gia các khóa/lớp học về KNTT. Đối với các CTĐT không có học phần về KNTT, SV cần chủ động tham gia các khóa/lớp đào tạo về KN này.

2.3.2. Đối với GV

- GV cần sử dụng các phương pháp dạy học tích cực như nêu vấn đề, thảo luận, TT...để SV có cơ hội rèn luyện KNTT.

- Khi yêu cầu SV TT, GV không nên chỉ quan tâm đến nội dung bài TT mà cần phải hướng dẫn SV rèn luyện, hoàn thiện các bước, yêu cầu của KNTT.

2.3.3. Đối với nhà trường

Nhà trường nên chăng bổ sung vào các CTĐT học phần KNM, trong đó có KNTT hoặc tổ chức các khóa/lớp đào tạo KNTT cho SV toàn trường.

Thông qua các tổ chức đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Hội SV, các câu lạc bộ tăng cường tổ chức nhiều hoạt động, sân chơi bổ ích để SV rèn luyện và hoàn thiện các KNM, trong đó có KNTT.

3. Kết luận

TT là một trong những KNM rất quan trọng đối với mỗi người nói chung và SV nói riêng. Để có KNTT, SV không chỉ phải nắm được các vấn đề lý thuyết mà còn phải thường xuyên rèn luyện KNTT. Thực tế cho thấy, KNTT của SV Trường Đại học Khánh Hòa còn nhiều hạn chế từ việc chuẩn bị cho đến thực hiện TT. Hay nói cách khác, KNTT của SV Trường Đại học Khánh Hòa chưa tốt. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế về TT của SV. Vì vậy, bản thân SV cùng GV và nhà trường phải có trách nhiệm trong việc nâng cao KNTT cho SV để đảm bảo SV được giáo dục và đào tạo một cách toàn diện.

Tài liệu tham khảo

[1]. Chu Văn Đức (2005), *Giáo trình KN giao tiếp*, NXB Hà Nội.

[2]. Dương Thị Liễu (2013), *Giáo trình KNTT*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

[3]. Lại Thế Luyện (2014) *KNTT hiệu quả*, NXB Thời đại.

[4]. Nguyễn Thị Thu Trang (2019), *Thực trạng KNTT của SV sư phạm Trường Đại học Đồng Nai*, Tạp chí Khoa học – Đại học Đồng Nai, số 13.

[5]. Trường Đại học Khánh Hòa (2022), *Báo cáo số 835/BC-ĐHKH, ngày 28/10/2022 Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng về chất lượng SV tốt nghiệp và CTĐT, năm 2022*, Nha Trang.